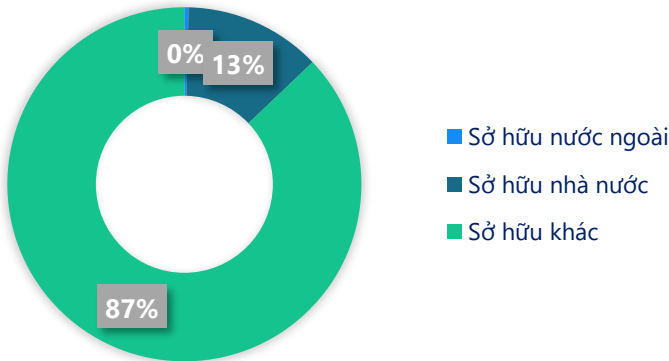


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		500
SL cổ phiếu LH		27,223,647
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,980
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		16
P/E		-0.2
EPS		-2,946

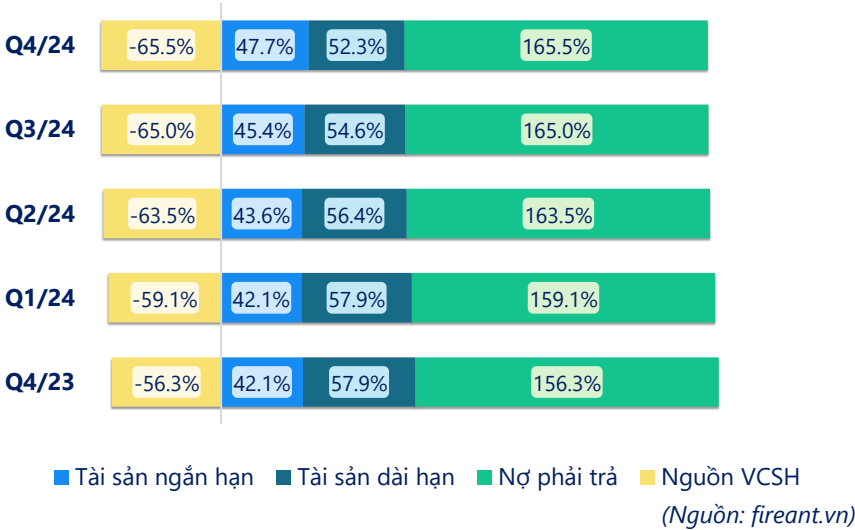
	YTD	1T	3T	6T
DCT		20.0%	0.0%	-14.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu sở hữu

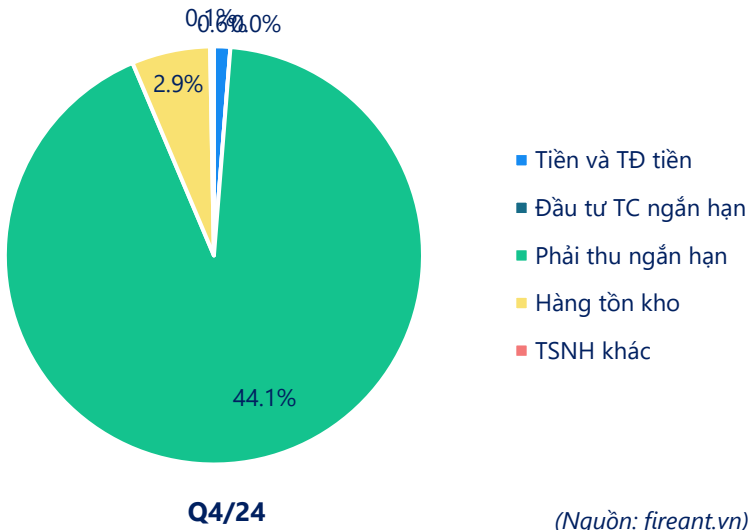


(Nguồn: fireant.vn)

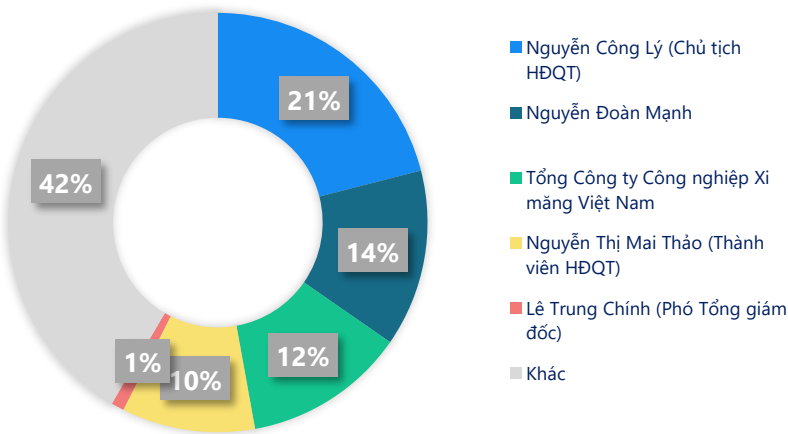
Cơ cấu Tổng tài sản



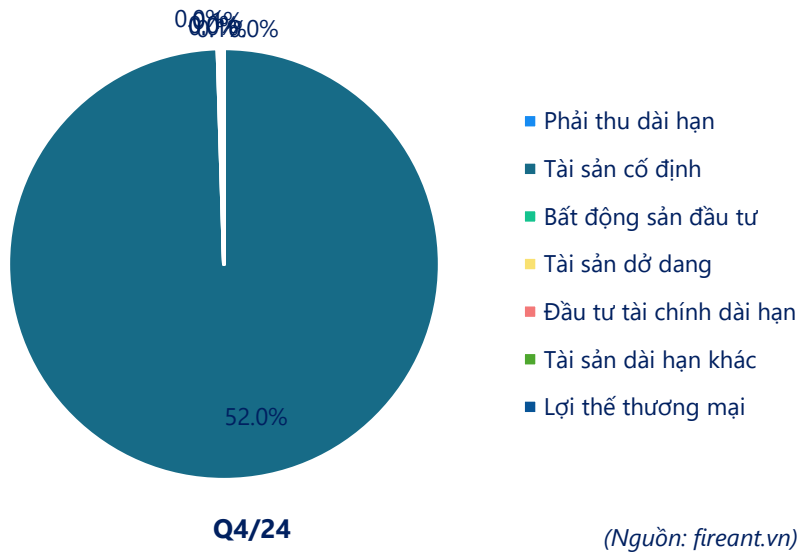
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

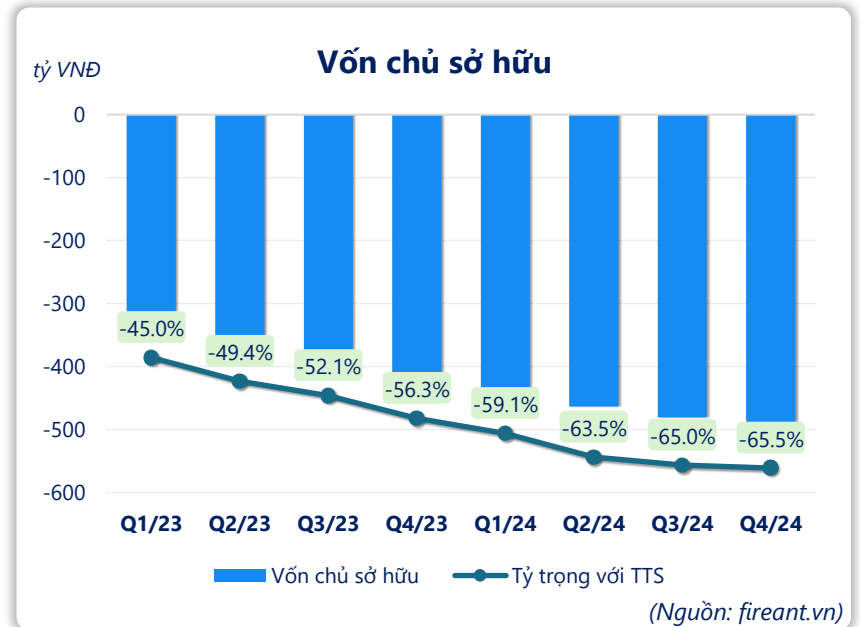
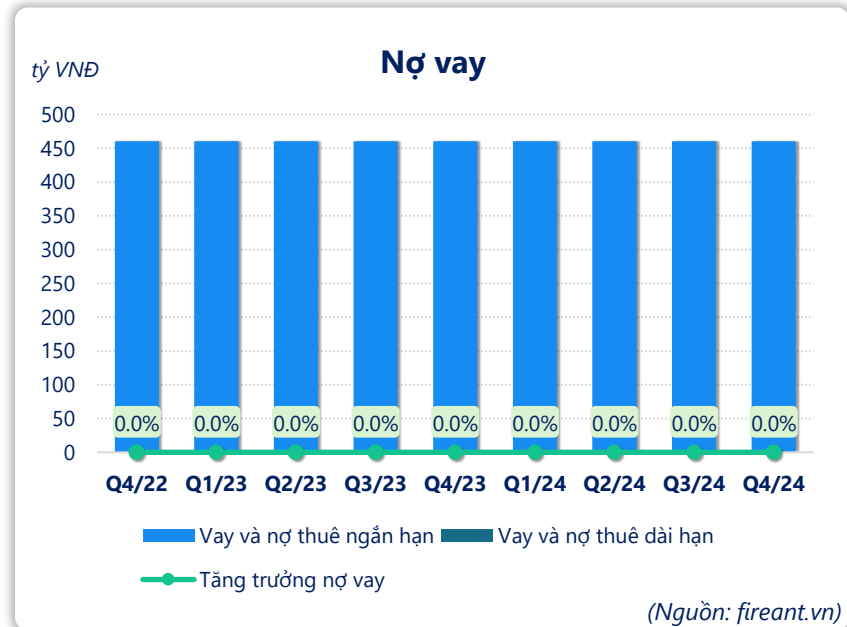
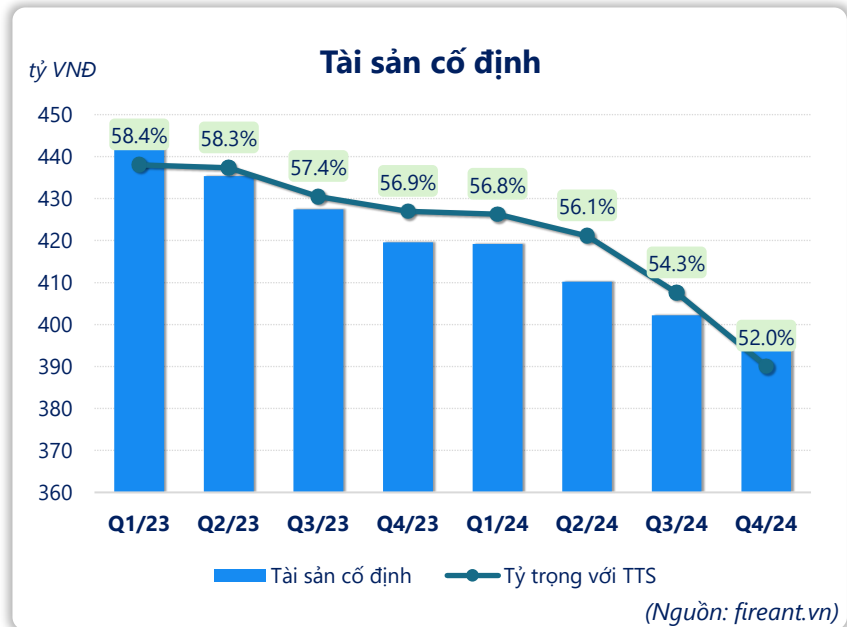
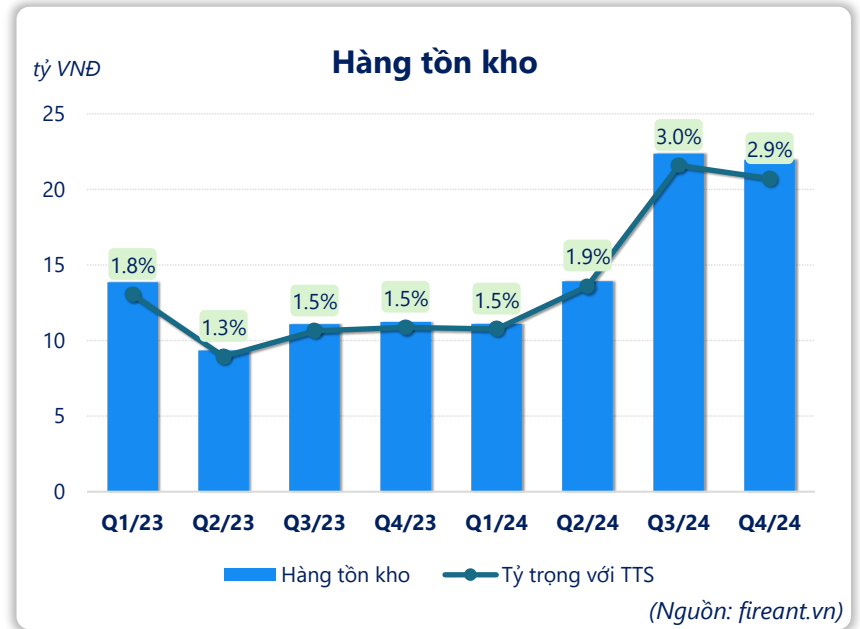
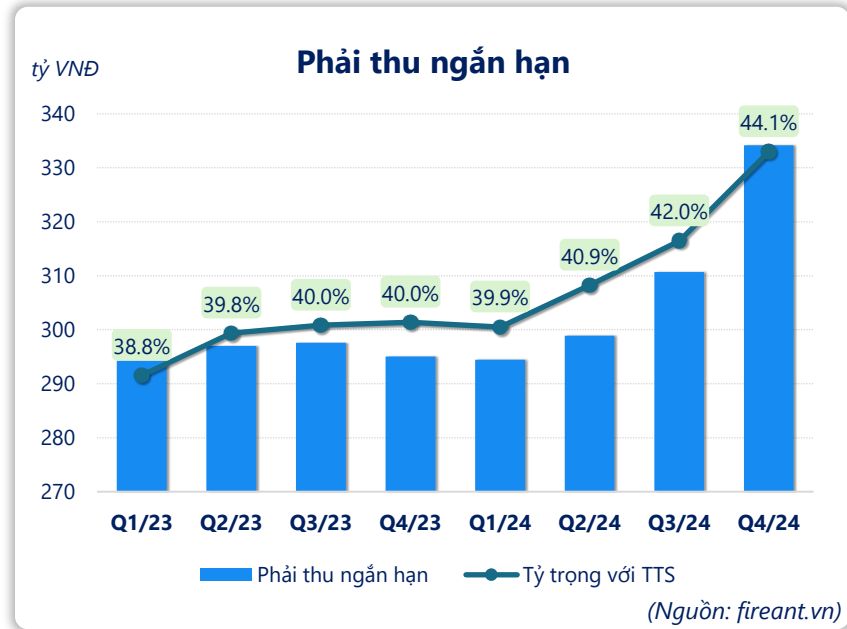
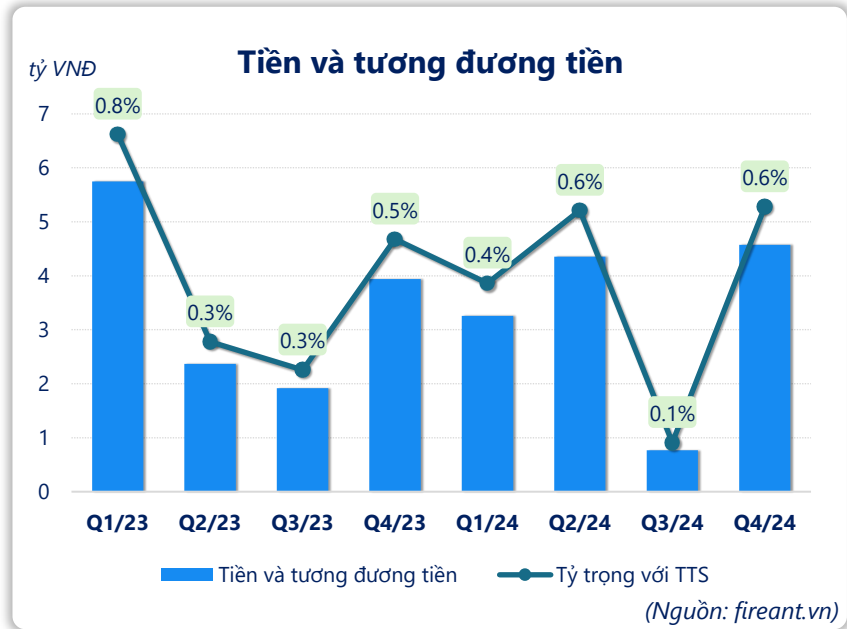


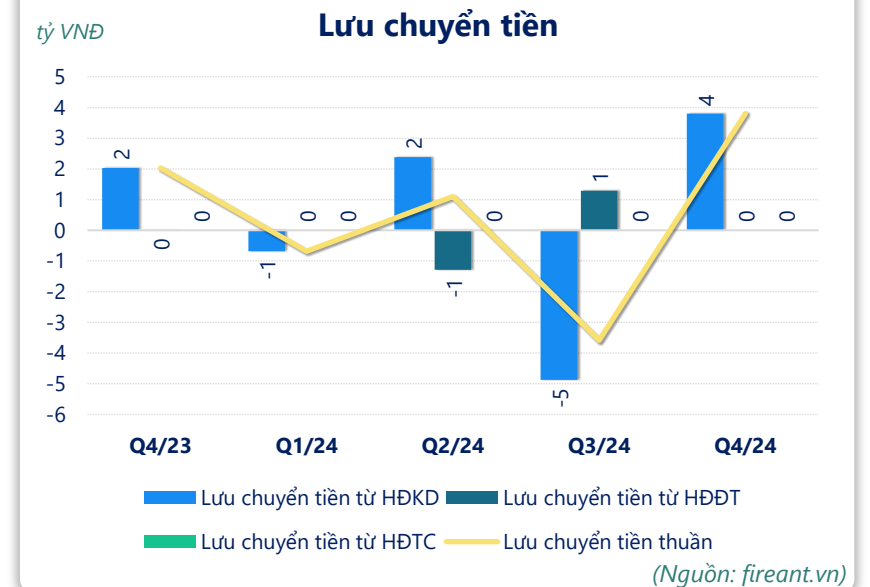
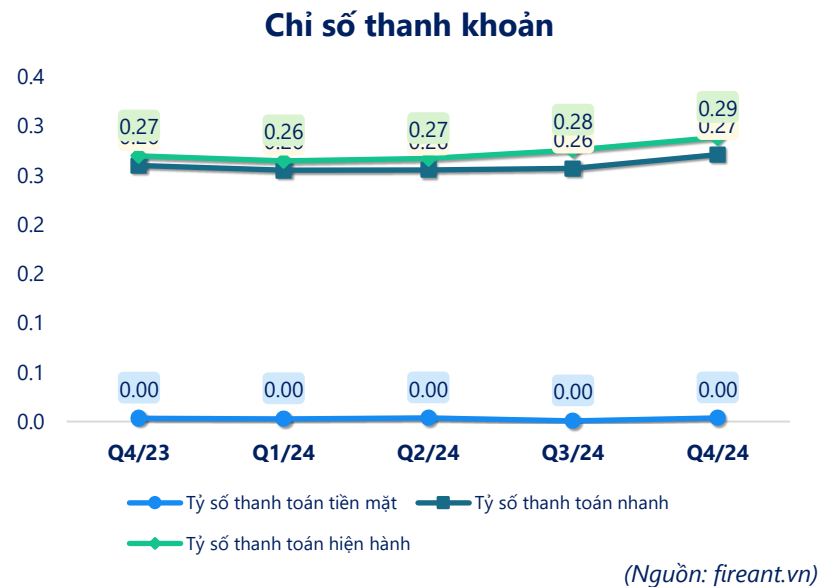
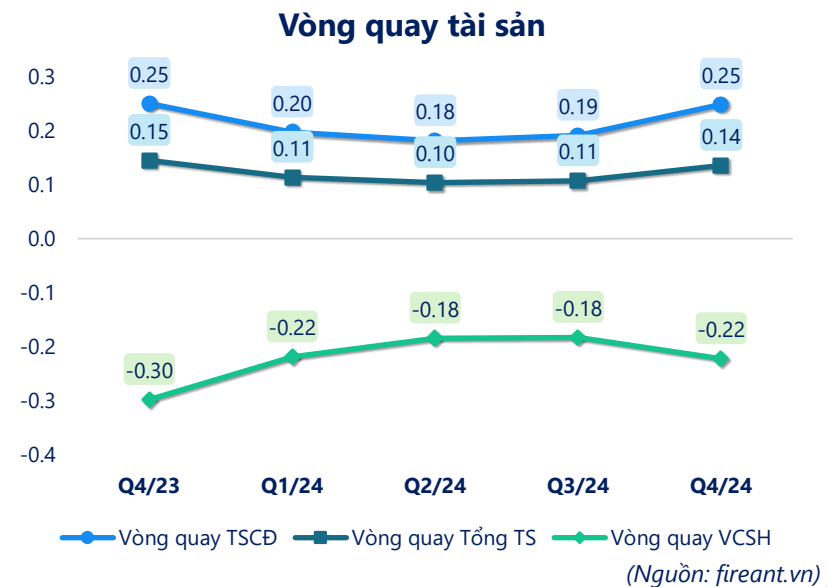
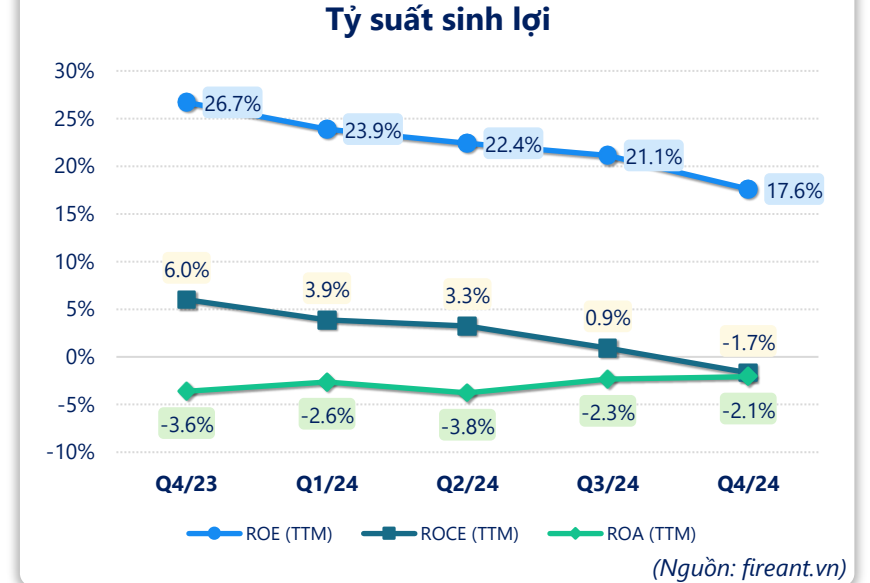
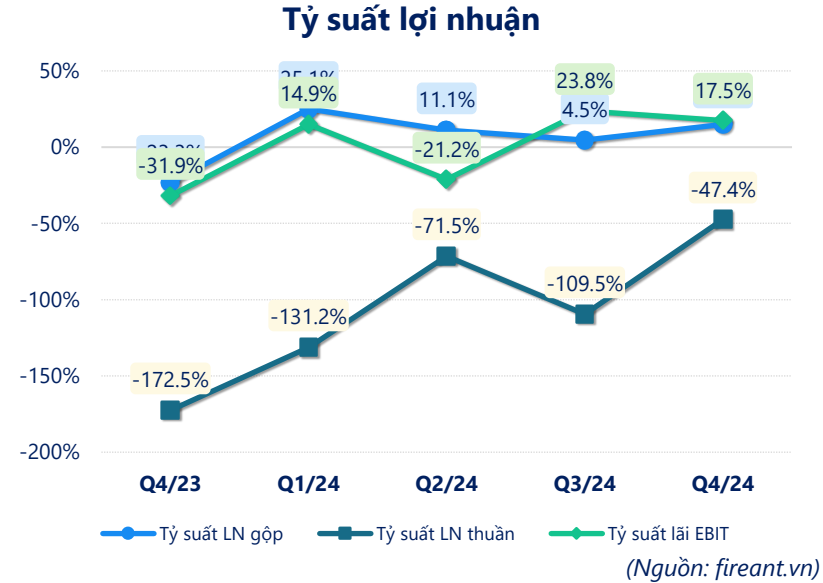
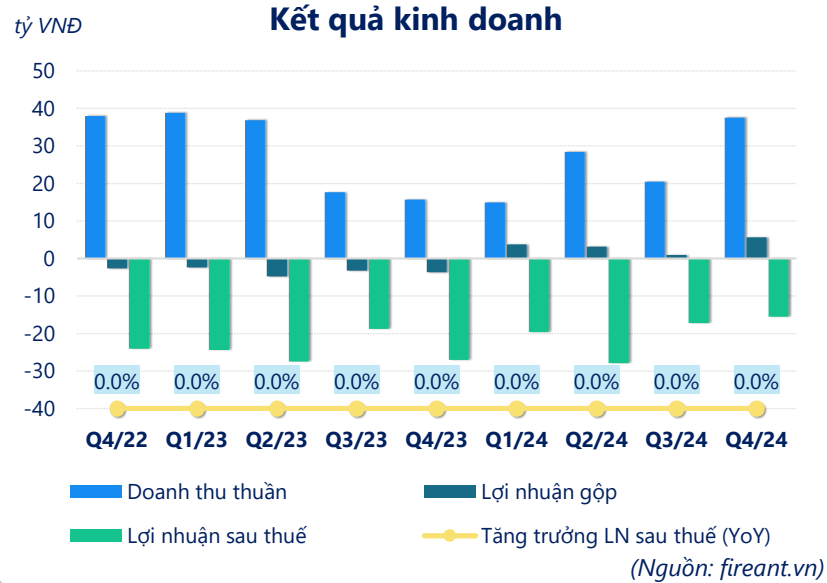
Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	758	736	3.0%
Tài sản ngắn hạn	362	309	17.0%
Tiền và tương đương tiền	4.57	3.94	16.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	334	294	13.8%
Hàng tồn kho	22.0	11.2	95.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.06	0.27	289%
Tài sản dài hạn	396	426	-7.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	394	420	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.88	5.32	-83.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.00	1.63	-38.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,254	1,152	8.9%
Nợ ngắn hạn	1,254	1,152	8.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	461	461	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	60.1	43.5	38.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-496	-416	-19.3%
Vốn chủ sở hữu	-496	-416	-19.3%
Vốn điều lệ	272	272	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	15.7	14.9	28.4	20.5	37.5
Giá vốn hàng bán	19.3	11.2	25.3	19.6	31.9
Lợi nhuận gộp	-3.65	3.75	3.15	0.93	5.62
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	22.1	21.8	21.8	22.1	22.1
Chi phí lãi vay	22.1	21.8	21.8	22.1	22.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.49	0.24	0.27	0.17	0.13
Chi phí QLDN	0.80	1.27	1.37	1.12	1.21
LN thuần từ HĐKD	-27.0	-19.6	-20.3	-22.4	-17.8
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.02	-7.56	5.22	2.27
LN trước thuế	-27.1	-19.6	-27.9	-17.2	-15.5
Lợi nhuận sau thuế	-27.1	-19.6	-27.9	-17.2	-15.5
LNST của CĐ cty mẹ	-27.1	-19.6	-27.9	-17.2	-15.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.03	-0.68	2.39	-4.87	3.80
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.01	0	-1.29	1.29	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	1.92	3.94	3.26	4.35	0.77
Lưu chuyển tiền thuần	2.02	-0.68	1.10	-3.58	3.80
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.94	3.26	4.35	0.77	4.57

(Nguồn: fireant.vn)